

Bộ phát chân không VN-05-L-T4-PQ2-VQ2-01-P

Số bộ phận: 536798

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chiều rộng định mức vòi phun laval	0.45 mm
Kích thước lưới	16 mm
Thiết kế bộ giảm thanh	mở
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Đặc điểm của bơm phun	lưu lượng theo thể tích hút cao Tiêu chuẩn
Chức năng tích hợp	Cảm biến áp suất Bộ giảm thanh mở
Cấu trúc xây dựng	Dạng T
Chống chịu ngắn mạch	theo chu kỳ
Kích thước đo	Áp suất tương đối
Nguyên tắc đo lường	Cảm biến áp suất
Phương pháp đo lường	tương đối
Chức năng phần tử chuyển mạch	Cơ cấu đóng
Chức năng chuyển mạch	Bộ so sánh ngưỡng Giá trị ngưỡng với độ trễ cố định
Chống phân cực	cho tất cả các kết nối điện
Kiểu hiển thị	Đèn LED
Đặt ngưỡng phạm vi	-100 kPa...0 kPa
Các tùy chọn cài đặt	Teach-In
Hiển thị trạng thái chuyển mạch	Đèn LED
Phạm vi cài đặt các giá trị ngưỡng	-1 bar...0 bar
Khoảng cài đặt giá trị ngưỡng	-14.5 psi...0 psi
Áp suất hoạt động cho dòng thể tích hút tối đa	0.5 MPA
Áp suất hoạt động cho lưu lượng thể tích hút tối đa	5 bar
Áp suất vận hành cho lưu lượng theo thể tích hút tối đa	72.5 psi
Áp suất vận hành	0.1 MPA...0.8 MPA 1 bar...8 bar 14.5 psi...116 psi
Áp suất làm việc danh nghĩa	0.6 MPA
Áp suất vận hành định mức	6 bar
định mức áp suất làm việc	87 psi
Dòng thể tích hút tối đa so với không khí	13.6 l/ph

Đặc tính	Giá trị
Thời gian tắt	4 ms
Thời gian bật	4 ms
Dải điện áp hoạt động DC	15 V...30 V
Mạch bảo vệ cảm ứng	thích ứng với cuộn MZ, MY, ME
Dòng điện đầu ra tối đa	100 mA
dòng điện dư	0.3 mA
Dao động	10 %
Đầu ra chuyển mạch	PNP
Sụt áp	1.5 V
Khả năng chống quá tải	có sẵn
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Không thể hoạt động bằng dầu
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ trung bình	0 °C...60 °C
Khuyến nghị làm sạch	Nước xà phòng
Mức áp suất âm thanh ở áp suất vận hành định mức	54 dB(A)
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
Mô-men xoắn siết tối đa	0.6 N m
Dải đo áp suất	-100 kPa...0 kPa -1 bar...0 bar -14.5 psi...0 psi
trọng lượng sản phẩm	33 g
Độ chính xác theo ±% FS	1.5 %FS
Độ trễ tính bằng ±% FS	2 %FS
Độ trôi dài hạn	±0,5 % FS tối đa
Hệ số nhiệt độ điểm chuyển mạch	0.05 %/K
Cổng nối điện	3 chân M8
Kiểu gắn	với lỗ xuyên
Cổng nối khí nén 1	QS-6
Cổng nối khí nén 3	Bộ giảm thanh mở
Giác hút chân không	QS-6
Vật liệu của phốt	NBR
Vật liệu vôi thu gom	POM
Vật liệu vỏ	POM gia cố
Vật liệu sợi quang	PC
Vật liệu giảm âm	PE
Vật liệu vỏ phích cắm	Đồng thau PA mạ crom và niken
Vật liệu vôi phun	Hợp kim nhôm rèn
Chất liệu bàn phím	POM
Kết nối vít vật liệu	Đồng thau mạ niken